TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 3 – CẦN THƠ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2026/DS-ST
Ngày: 31 – 3 – 2026
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thái Minh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thanh Tùng.

2. Ông Võ Văn Tường.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Võ Tường Vy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 331/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2025 về *việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 179/2026/QĐST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bích H, sinh năm 1971

Đăng ký thường trú: 138/29/3 đường T, phường N, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: 1. Bà Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1989;

2. Bà Đoàn Lê Hạ V, sinh năm 2000.

Cùng địa chỉ: B đường C, khu tái định cư P, phường H, thành phố Cần Thơ.

Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 16 tháng 7 năm 2025

(Bà H1 vắng mặt, bà V có mặt)

Bị đơn: 1. Bà Huỳnh Thanh T, sinh năm 1984; Vắng mặt

Địa chỉ: E khu dân cư E, khu vực T, phường H, thành phố Cần Thơ.

2. Bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1954; Vắng mặt

3. Ông Huỳnh Quốc A, sinh năm 1994. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang (Nay là ấp L, xã H,

thành phố Cần Thơ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/7/2025, đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/12/2025 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Lê Thị Bích H và bà Huỳnh Thanh T là chỗ quen biết nhau từ trước năm 2022. Bà Nguyễn Thị Kim T1 là mẹ ruột còn ông Huỳnh Quốc A là em ruột của bà Huỳnh Thanh T. Trong quá trình quen biết, bà T và gia đình thường vay tiền của bà H với mục đích làm ăn mua bán bất động sản. Khi vay thì các bên có làm giấy tờ, thoả thuận thời gian đến hạn trả nợ. Cụ thể như sau:

- Hợp đồng vay tài sản ký công chứng ngày 28/3/2023 do Công chứng viên Văn phòng C chứng nhận. Bà Huỳnh Thanh T, bà Nguyễn Thị Kim T1 và ông Huỳnh Quốc A vay của bà Lê Thị Bích H số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), thời hạn vay từ ngày 28/3/2023 đến hết ngày 06/4/2023, lãi suất tự thoả thuận theo quy định pháp luật. Bà T, bà T1 và ông A chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho bà H kể từ ngày vay.

- Biên nhận ngày 26/3/2022 Huỳnh Thanh T vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), thời hạn vay 30 (ba mươi) ngày. Bà T chưa trả tiền vay và tiền lãi phát sinh từ ngày 26/3/2022.

- Biên nhận ngày 12/5/2022 Huỳnh Thanh T vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), thời hạn vay 03 (ba) tháng kể từ ngày 12/5/2022. Bà T chưa trả tiền vay và tiền lãi phát sinh từ ngày 12/5/2022.

- Biên nhận ghi ngày 06/6/2022 Huỳnh Thanh T vay 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng), thời hạn vay tính từ ngày 06/6/2022. Bà T chưa trả tiền vay và tiền lãi phát sinh từ ngày 06/6/2022.

- Biên nhận nhận tiền ngày 23/6/2022 Huỳnh Thanh T vay 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), thời hạn vay đến ngày 30/7/2022. Bà T chưa trả tiền vay và tiền lãi phát sinh từ ngày 23/6/2022.

- Hợp đồng vay tiền 11/7/2022 Huỳnh Thanh T vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), thời hạn vay 03 (ba) tháng kể từ ngày 11/7/2022. Bà T chưa trả tiền vay và tiền lãi phát sinh từ ngày 11/7/2022.

- Giấy vay tiền ngày 30/5/2023 Huỳnh Thanh T vay 1.595.000.000 đồng (Một tỷ, năm trăm chín mươi lăm triệu đồng), thời hạn vay là 01 (một) tháng tính từ ngày 30/5/2023. Bà T chưa trả tiền vay và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/5/2023.

Bà H yêu cầu bà Huỳnh Thanh T, bà Nguyễn Thị Kim T1 và ông Huỳnh Quốc A liên đới trả cho bà số tiền 583.777.778 đồng (Năm trăm tám mươi ba triệu, bảy trăm bảy mươi bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi tám đồng). Trong đó: Tiền vay là: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), lãi suất tạm tính từ ngày 28/3/2023 đến

ngày 15/7/2025 là 27 tháng 17 ngày x 1,67%/tháng là: 183.777.778 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu, bảy trăm bảy mươi bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi tám đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh đến khi trả tất số nợ này.

Bà H yêu cầu bà Huỳnh Thanh T trả cho bà số tiền 8.711.486.112 đồng (Bốn tỷ, bảy trăm mười một triệu, bốn trăm tám mươi sáu nghìn, một trăm mười hai đồng). Trong đó: Tiền vay là: 5.495.000.000 đồng (Năm tỷ, bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng), tiền lãi tạm tính là 3.216.486.112 đồng (Ba tỷ, hai trăm mười sáu triệu, bốn trăm tám mươi sáu nghìn, một trăm mười hai đồng). Gồm các khoản vay như sau:

- Biên nhận ngày 26/3/2022 số tiền 166.055.556 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi sáu đồng), trong đó tiền vay là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), lãi suất tạm tính từ ngày 26/3/2022 đến ngày 15/7/2025 là 39 tháng 19 ngày x 1,67%/tháng là: 66.068.767 đồng (Sáu mươi sáu triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm sáu mươi bảy đồng).

- Biên nhận ngày 12/5/2022 số tiền 1.635.000.000 đồng (Một tỷ, sáu trăm ba mươi lăm triệu đồng), trong đó tiền vay là: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), lãi suất tạm tính từ ngày 12/5/2022 đến ngày 15/7/2025 là 38 tháng 3 ngày x 1,67%/tháng là: 635.000.000 đồng (Sáu trăm ba mươi lăm triệu đồng).

- Biên nhận ngày 06/6/2022 số tiền 2.551.666.667 đồng (Hai tỷ, năm trăm năm mươi mốt triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó tiền vay là 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng), lãi suất tạm tính từ ngày 06/6/2022 đến ngày 08/12/2025 là 42 tháng 02 ngày x 1,67%/tháng là: 1.051.666.667 đồng (Một tỷ, không trăm năm mươi mốt triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

- Biên nhận nhận tiền ngày 23/6/2022 số tiền 483.666.667 đồng (Bốn trăm tám mươi ba triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó tiền vay là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), lãi suất tạm tính từ ngày 23/6/2022 đến ngày 15/7/2025 là 36 tháng 22 ngày x 1,67%/tháng: 183.666.667 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

- Hợp đồng vay tiền ngày 11/7/2022 số tiền 1.602.222.222 đồng (Một tỷ, sáu trăm lẻ hai triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi hai đồng), trong đó tiền vay là: 1.000.000.000 đồng, lãi suất tạm tính từ ngày 11/7/2022 đến ngày 15/7/2025 là 36 tháng 04 ngày x 1,67%/tháng: 602.222.222 đồng (Sáu trăm lẻ hai triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi hai đồng).

- Giấy vay tiền ngày 30/5/2023 số tiền 2.272.875.000 đồng (Hai tỷ, hai trăm bảy mươi hai triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), trong đó tiền vay là 1.595.000.000 đồng (Một tỷ, năm trăm chín mươi lăm triệu đồng), lãi suất tạm tính từ ngày 30/5/2023 đến ngày 15/7/2025 là 25 tháng 15 ngày x 1,67%/tháng:

677.875.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi bảy triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bà H yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh đến khi trả tất số nợ này.

Qúa trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể là rút lại yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay của biên nhận ngày 26/3/2022 và biên nhận ngày 06/6/2022. Đối với các khoản vay còn lại, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định pháp luật là 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng tính từ ngày vay tiền thể hiện trên các hợp đồng vay tiền, biên nhận nhận tiền, giấy vay tiền đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/3/2026 và yêu cầu các bị đơn tiếp tục trả lãi phát sinh đến khi trả tất số nợ. Cụ thể yêu cầu như sau:

Nguyên đơn yêu cầu bà Huỳnh Thanh T, bà Nguyễn Thị Kim T1 và ông Huỳnh Quốc A liên đới trả cho bà Lê Thị Bích H số tiền 519.852.000 đồng (Năm trăm mười chín triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn đồng). Trong đó: Tiền vay là: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), tiền lãi tạm tính đến ngày 31/3/2026 là: 119.852.000 đồng (Một trăm mười chín triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh đến khi trả tất số nợ này.

Nguyên đơn yêu cầu bà Huỳnh Thanh T trả cho bà Lê Thị Bích H số tiền 6.816.054.283 đồng (Sáu tỷ, tám trăm mười sáu triệu, không trăm năm mươi bốn nghìn, hai trăm tám mươi ba đồng). Trong đó: Tiền vay là: 5.495.000.000 đồng (Năm tỷ, bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng), tiền lãi tạm tính đến ngày 31/3/2026 là 1.321.054.283 (Một tỷ, ba trăm hai mươi mốt triệu, không trăm năm mươi bốn nghìn, hai trăm tám mươi ba đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh đến khi trả tất số nợ này. Cụ thể các khoản như sau:

- Biên nhận ngày 12/5/2022 số tiền 1.387.056.667 đồng (Một tỷ, ba trăm tám mươi bảy triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó tiền vay là: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), tiền lãi tạm tính đến ngày 31/3/2026 là: 387.056.667 đồng (Ba trăm tám mươi bảy triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

- Biên nhận nhận tiền ngày 23/6/2022 số tiền 412.714.000 (Bốn trăm mười hai triệu, bảy trăm mười bốn nghìn đồng), trong đó tiền vay là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), tiền lãi tạm tính đến ngày 31/3/2026 là: 112.714.000 đồng (Một trăm mười hai triệu, bảy trăm mười bốn nghìn đồng).

- Hợp đồng vay tiền ngày 11/7/2022 số tiền 1.370.733.333 đồng (Một tỷ, ba trăm bảy mươi triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng), trong đó tiền vay là: 1.000.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 31/3/2026 là:

370.733.333 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

- Giấy vay tiền ngày 30/5/2023 số tiền 2.045.550.283 đồng (Hai tỷ, không trăm bốn mươi lăm triệu, năm trăm năm mươi nghìn, hai trăm tám mươi ba đồng), trong đó tiền vay là 1.595.000.000 đồng (Một tỷ, năm trăm chín mươi lăm triệu đồng), tiền lãi tạm tính đến ngày 31/3/2026 là: 450.550.283 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu, năm trăm năm mươi nghìn, hai trăm tám mươi ba đồng).

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Huỳnh Thanh T, bà Nguyễn Thị Kim T1 và ông Huỳnh Quốc A không có văn bản gửi Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Bị đơn bà Huỳnh Thanh T, bà Nguyễn Thị Kim T1 và ông Huỳnh Quốc A đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2025, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 08/12/2025, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo từng hợp đồng và biên nhận cụ thể với mức lãi suất 20%/năm. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể là rút lại yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay của biên nhận ngày 26/3/2022 và biên nhận ngày 06/6/2022. Đối với các khoản vay còn lại, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định pháp luật là 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng tính từ ngày vay tiền thể hiện trên các hợp đồng vay tiền, biên nhận nhận tiền, giấy vay tiền đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/3/2026 và yêu cầu các bị đơn tiếp tục trả lãi phát sinh đến khi trả tất số nợ. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án*:

Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 15/7/2025, đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/12/2025 và các tài liệu, chứng cứ có liên quan xác định đây là loại kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân

sự năm 2015. Do một trong các bị đơn là bà Huỳnh Thanh T có địa chỉ cư trú tại phường H, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

[3.1] Đối với yêu cầu trả tiền gốc.

Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án Hợp đồng vay tài sản ngày 28/3/2023 (Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng Trương Văn T2, số tiền vay 400.000.000 đồng), Biên nhận ngày 26/3/2022 (Có chữ ký chữ viết chỗ người vay tên Huỳnh Thanh T, số tiền vay 100.000.000đồng), Biên nhận ngày 12/5/2022 (Có chữ ký chữ viết chỗ người nhận tên Huỳnh Thanh T, số tiền vay 1.000.000.000 đồng); Biên nhận ngày 06/6/2022 (Có chữ ký chữ viết tên Huỳnh Thanh T, số tiền vay 1.500.000.000 đồng), Biên nhận ngày 23/6/2022 (Có chữ ký chữ viết tên Huỳnh Thanh T, số tiền vay 300.000.000 đồng), Hợp đồng vay tiền ngày 11/7/2022 (Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C1, số tiền vay 1.000.000.000 đồng); Giấy vay tiền ngày 30/5/2023 (Có chữ ký chữ viết chỗ người vay tên Huỳnh Thanh T, số tiền vay 1.595.000.000 đồng).

Qúa trình tố tụng, bị đơn không đến Tòa án để tự khai, đối chất, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình, không cung cấp các chứng cứ có liên quan để bảo vệ quyền lợi cho mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các biên nhận, hợp đồng vay tiền, giấy vay tiền mà nguyên đơn cung cấp và lời khai của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở pháp lý kết luận: Ngày 28/3/2023 bà Huỳnh Thanh T, bà Nguyễn Thị Kim T1, ông Huỳnh Quốc A có vay của nguyên đơn số tiền 400.000.000đồng và từ ngày 26/3/2022 đến ngày 30/5/2023 bà Huỳnh Thanh T đã 06 (sáu) lần vay tiền của nguyên đơn với tổng số tiền 5.495.000.000 đồng.

Bị đơn không trả tiền theo đúng thỏa thuận, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bà Huỳnh Thanh T, bà Nguyễn Thị Kim T1, ông Huỳnh Quốc A liên đới trả số tiền vay 400.000.000 đồng và yêu cầu bà Huỳnh Thanh T trả số tiền 5.495.000.000đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu tính lãi.

Phía nguyên đơn đã rút lại yêu cầu tính lãi đối với biên nhận ngày 26/3/2022 và biên nhận ngày 06/6/2022 nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ trả lãi của bị đơn đối với số tiền vay của 02 biên nhận này.

Đối với các khoản vay theo hợp đồng vay tài sản ngày 28/3/2023, Biên nhận ngày 12/5/2022, Biên nhận ngày 23/6/2022, Hợp đồng vay tiền ngày 11/7/2022, Giấy vay tiền ngày 30/5/2023: Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn theo các hợp đồng, biên nhận và giấy vay tiền nêu trên nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên nợ gốc với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày vay đến ngày 31/3/2026. Xét mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu, do các hợp đồng, biên nhận và giấy vay tiền này chỉ thể hiện mức lãi suất tự thỏa thuận, không ghi rõ mức lãi suất cụ thể mỗi tháng bị đơn phải trả là bao nhiêu nên trong trường hợp này theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11- 01-2019 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, mức lãi suất áp dụng đối với yêu cầu của nguyên đơn là không vượt quá 10%/năm, nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 10%/năm là phù hợp theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiền lãi được tính cụ thể như sau:

- Đối với Hợp đồng vay tài sản ngày 28/3/2023, số tiền vay 400.000.000 đồng:

+ Lãi trên nợ gốc tính từ ngày 28/3/2023 đến ngà 31/3/2026: 400.000.000 đồng x 10%/năm x 03 năm 03 ngày = 119.852.000 đồng (1);

- Đối với biên nhận ngày 12/5/2022, số tiền vay 1.000.000.000 đồng:

+ Lãi trên nợ gốc tính từ ngày 12/5/2022 đến ngày 31/3/2026: 1.000.000.000 đồng x 10%/năm x 03 năm 10 tháng 19 ngày = 387.056.667 đồng (2);

- Đối với biên nhận ngày 23/6/2022, số tiền vay 300.000.000 đồng:

+ Lãi trên nợ gốc tính từ ngày 23/6/2022 đến ngày 31/3/2026: 300.000.000 đồng x 10%/năm x 03 năm 09 tháng 08 ngày = 112.714.000đồng (3);

- Đối với Hợp đồng vay tiền ngày 11/7/2022, số tiền vay 1.000.000.000đồng:

+ Lãi trên nợ gốc tính từ ngày 11/7/2022 đến ngày 31/3/2026: 1.000.000.000 đồng x 10%/năm x 03 năm 08 tháng 20 ngày = 370.733.333 đồng (4);

- Đối với giấy vay tiền ngày 30/5/2023, số tiền vay 1.595.000.000đồng:

+ Lãi trên nợ gốc tính từ ngày 30/5/2023 đến ngày 31/3/2026: 1.595.000.000 đồng x 10%/năm x 02 năm 10 tháng 01 ngày = 450.550.283 đồng (5);

Như vậy, số tiền lãi trên nợ gốc của hợp đồng vay tài sản ngày 28/3/2023 là 119.852.000đồng. Tổng số tiền lãi trên nợ gốc của Biên nhận ngày 12/5/2022, Biên nhận ngày 23/6/2022, Hợp đồng vay tiền ngày 11/7/2022, Giấy vay tiền ngày 30/5/2023 là: (2) + (3) + (4) + (5) = 1.321.054.283 đồng.

Từ những phân tích trên cần buộc bà Huỳnh Thanh T, bà Nguyễn Thị Kim T1 và ông Huỳnh Quốc A liên đới trả cho bà Lê Thị Bích H số tiền 519.852.000 đồng (Trong đó: Tiền vay là: 400.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 31/3/2026 là 119.852.000 đồng). Buộc bà Huỳnh Thanh T trả cho bà Lê Thị Bích

H số tiền 6.816.054.283đồng (Trong đó: Tiền vay là 5.495.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 31/3/2026 là 1.321.054.283đồng).

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1954 tính đến thời điểm xét xử vụ án là hơn 60 tuổi, thuộc trường hợp là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà T1 vắng mặt, không có đơn xin miễn án phí nên không đủ điều kiện được miễn án phí theo quy định tại Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do đó, bà T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

+ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn bà Huỳnh Thanh T, bà Nguyễn Thị Kim T1, ông Huỳnh Quốc A.

Buộc bà Huỳnh Thanh T, bà Nguyễn Thị Kim T1 và ông Huỳnh Quốc A liên đới trả cho bà Lê Thị Bích H số tiền 519.852.000 đồng (Năm trăm mười chín triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn đồng). Trong đó: Tiền vay là: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), tiền lãi tạm tính đến ngày 31/3/2026 là: 119.852.000 đồng (Một trăm mười chín triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Buộc bà Huỳnh Thanh T trả cho bà Lê Thị Bích H số tiền 6.816.054.283đồng (Sáu tỷ tám trăm mười sáu triệu không trăm năm mươi bốn nghìn hai trăm tám mươi ba đồng). Trong đó: Tiền vay là: 5.495.000.000 đồng (Năm tỷ, bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng), tiền lãi tạm tính đến ngày 31/3/2026 là 1.321.054.283 đồng (Một tỷ, ba trăm hai mươi mốt triệu không trăm năm mươi bốn nghìn hai trăm tám mươi ba đồng).

Bị đơn bà Huỳnh Thanh T, bà Nguyễn Thị Kim T1, ông Huỳnh Quốc A còn phải chịu lãi phát sinh tính từ ngày tiếp theo là ngày 01/4/2026 trên tổng số nợ cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản nợ cho nguyên đơn bà Lê Thị Bích H theo mức lãi suất 10%/năm.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay của biên nhận ngày 26/3/2022 và biên nhận ngày 06/6/2022.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Huỳnh Thanh T, bà Nguyễn Thị Kim T1 và ông Huỳnh Quốc A phải chịu 24.794.080đồng.

Bà Huỳnh Thanh T phải chịu 114.816.054đồng

Nguyên đơn được nhận lại 13.645.000đồng theo biên lai thu số 0004059 ngày 02 tháng 10 năm 2025 và 41.517.000đồng theo biên lai thu số 0012789 ngày 22 tháng 12 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TANDTPCT;
-VKSNDKV3-CT;
-Phòng THADSKV3-CT;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trần Thái Minh Ngọc